TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 03/2026/QĐST-VHNGĐ	*Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

V/v: Hủy việc kết hôn trái pháp luật và xác lập quan hệ hôn nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI

Với thành phần giải quyết việt dân sự:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp*:** Bà **Hoàng Thị Bích Hằng**

***Thư ký phiên họp*:** Bà **Nguyễn Thị Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Hà Nội

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Hà Nội tham gia phiên họp*:** Bà **Lê Thị Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 15/2026/TLST-VHNGĐ ngày 09/01/2026 về việc "Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và xác lập quan hệ hôn nhân", theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số: 01/2026/QĐST-VHNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu**:* Ông **Đặng Quang H** - sinh ngày 10/10/1952 (có mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã Ư, Thành phố Hà Nội

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ **Uỷ ban nhân dân xã Ư, thành phố Hà Nội**

Địa chỉ: xã Ư, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức B – Chủ tịch

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Lã – Chánh văn phòng HĐND và UBND (có đơn xin vắng mặt)

+ Bà **Nguyễn Thị N** – sinh ngày 10/11/1963 (có mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã Ư, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu, ông Đặng Quang H trình bày: Ông là Đặng Quang H – sinh ngày 10/10/1952 có quen bà Nguyễn Thị N – sinh ngày 10/11/1963, sau thời gian quen nhau hai ông bà quyết định cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoà

Lâm, huyện Ư, tỉnh Hà Sơn Bình (nay là xã Ư, thành phố Hà Nội) ngày 26/8/1980. Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 17/1980 ngày 26/8/1980 của UBND xã Hoà Lâm thể hiện tên chồng là Đặng Quang H – sinh năm 1954 và tên vợ là Nguyễn Thị N – năm 1962. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà N chưa đủ tuổi nên đã tự ý khai sinh năm 1962; trong khi đó ông cũng không để ý năm sinh của mình nên sau khi nhận giấy chứng nhận kết hôn, ông bà có 03 con chung; cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Nay ông nhận thấy việc đăng ký kết hôn năm 1980 như vậy là vi phạm quy định của pháp luật và cũng bị ảnh hưởng các thủ tục hành chính khác nên ông đề nghị huỷ kết hôn trái pháp luật giữa ông và bà N; đồng thời đề nghị Toà xác lập quan hệ hôn nhân cho ông bà khi đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày*:** bà là Nguyễn Thị N – sinh ngày 10/11/1963. Năm 1980, bà quen biết ông Đặng Quang H – sinh ngày 10/10/1952, nguyên quán thôn Mỹ Lâm, xã Hoà Lâm, huyện Ư, tỉnh Hà Sơn Bình (nay là xã Ư, thành phố Hà Nội). Sau thời gian tìm hiểu thì hai ông bà quyết định cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoà Lâm ngày 26/8/1980. Khi làm thủ tục kết hôn, ông bà không hiểu biết về pháp luật, cũng không để ý nội dung trong Giấy chứng nhận kết hôn số 17/1980 ngày 26/8/1980 của UBND xã Hoà Lâm cấp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc, nay ông bà mới biết tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà chưa đủ tuổi; đồng thời có ghi năm sinh của ông H sai và của bà cũng bị sai năm sinh. Bà đồng quan điểm với ông H, đề nghị huỷ kết hôn trái pháp luật; đồng thời đề nghị Toà xác lập quan hệ hôn nhân cho ông bà khi đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã Ư cung cấp: Qua tra cứu hồ sơ đăng ký kết hôn lưu trữ tại UBND xã Hoà Lâm, huyện Ư, tỉnh Hà Sơn Bình nay là xã Ư, thành phố Hà Nội thấy: tại sổ đăng ký kết hôn số 17/1980 ngày 26/8/1980 của UBND xã Ư thể hiện tên chồng là Đặng Quang H – sinh năm 1954 và tên vợ là Nguyễn Thị N – năm 1962; về tờ khai và hồ sơ đăng ký kết hôn của bà Nguyễn Thị N và ông Đặng Quang H: hiện tại UBND xã không còn lưu trữ. Nay ông H, bà N có đơn huỷ kết hôn trái pháp luật và xác lập quan hệ hôn nhân, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, đại diện UBND xã Ư có đơn xin vắng mặt; ông Đặng Quang H và bà Nguyễn Thị N có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu và không xuất trình thêm bất kỳ tài liệu chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Hà Nội phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Trình tự từ khi thụ lý việc dân sự, về quan hệ pháp luật, quá trình thu thập chứng cứ, về thời gian, thời hạn tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Quang H: Hủy kết hôn

trái pháp luật giữa ông Đặng Quang H và bà Nguyễn Thị N theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày số số 17/1980 ngày 26/8/1980 UBND xã Hoà Lâm, huyện Ư, tỉnh Hà Sơn Bình (nay là xã Ư, thành phố Hà Nội); Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Đặng Quang H – sinh ngày 10/10/1952 và bà Nguyễn Thị N – sinh ngày 10/11/1963 kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông Đặng Quang H có được miễn nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả trông luận tại phiên họp, Tòa án nhân Khu vực 12 - Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đặng Quang H đã nộp đơn yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ theo quy định - căn cứ vào khoản 1 và khoản 11 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì việc hôn nhân và gia đình này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Hà Nội.

Trong quá trình xét đơn yêu cầu, Tòa đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, quyết định mở phiên họp, giải thích quyền và nghĩa vụ cho đại diện theo pháp luật của UBND xã Ư, thành phố Hà Nội; xong tại phiên họp hôm nay, người đại diện cho UBND xã Ư có đơn xin vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 367 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ như: giấy khai sinh, căn cước công dân, đơn xác nhận của ông Đặng Quang H, bà Nguyễn Thị N và các giấy khai sinh của con ông bà thể hiện ông Đặng Quang H - sinh ngày 10/10/1952 và bà Nguyễn Thị N – sinh ngày 10/11/1963. Đồng thời tại đơn xác nhận của trưởng thôn Mỹ Lâm thể hiện: thôn Mỹ Lâm, xã Ư, thành phố Hà Nội chỉ có ông Đặng Quang H và bà Nguyễn Thị N có quan hệ hôn nhân.

Tại Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/8/1980 của UBND xã Ư thể hiện họ và tên chồng: Đặng Quang H sinh năm 1954, Họ và tên vợ: Nguyễn Thị N, năm 1962 không đúng ngày tháng năm sinh thực của ông H và bà N. Việc đăng ký kết hôn đã vi phạm vào Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 (*Con gái từ 18 tuổi trở lên, con trai từ 20 tuổi trở lên mới được kết hôn)* vì tại thời điểm đăng ký kết hôn ông Nguyễn Quang H - sinh ngày 10/10/1952, ông H được 27 tuổi 10 tháng 16 ngày *(đủ tuổi kết hôn);* bà Nguyễn Thị N – sinh ngày 10/11/1963, bà N được 16 tuổi 09 tháng 16 ngày (*chưa đủ tuổi kết hôn)*.

Như vậy có căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 26/8/1980 bà N chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn; việc UBND xã Ư đã đăng ký kết hôn cho ông H và bà N là trái với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1959. Nay, ông H có đơn yêu cầu Tòa hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ theo Điều 6 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 1959; khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Xét yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân

Ông Đặng Quang H và bà Nguyễn Thị N đều xác định ông bà đã có đủ điều kiện kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 03 con chung, tài sản chung nH khi kết hôn không đủ tuổi. Hai ông bà đều thống nhất đề nghị Tòa công nhận quan hệ hôn nhân cho ông bà kể từ thời điểm bà N đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, không vi phạm pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận, công nhận quan hệ hôn nhân của ông Đặng Quang H và bà Nguyễn Thị N đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật từ ngày 11/11/1981.

[3] Về con chung, tài sản chung: Ông Đặng Quang H và bà Nguyễn Thị N đều không yêu cầu đề nghị.

[4] Đối với thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Ư: Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 việc UBND xã Ư thực hiện đăng ký kết hôn cho ông H, bà N như đã nhận định nêu trên là thiếu trách nhiệm khi đã không kiểm tra thông tin cá nhân của công dân làm thủ tục đăng ký kết hôn. Vì vậy, UBND xã Ư cần nghiêm túc rút kinh nghiệm để thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật.

[5] Về lệ phí, quyền kháng cáo: Ông Đặng Quang H là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng lệ phí, lệ phí nên được miễn nộp tiền lệ phí yêu cầu xác lập quan hệ hôn nhân và không phải nộp tiền lệ phí yêu cầu Huỷ kết hôn trái pháp luật theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định hoặc kể từ ngày nhận được Quyết định đối với người vắng mặt; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Hà Nội được quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân thành Hà Nội được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định theo quy định tại các Điều 371, 372 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 1959); khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014);

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 244, Điều 361, Điều 362, Điều 366, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao và Bộ Tư pháp

Căn cứ Luật người cao tuổi; điểm d khoản 2 Điều 11; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật của ông Đặng Quang H: Huỷ kết hôn số 07/1980 ngày 26/8/1980 giữa ông Đặng Quang H và bà Nguyễn Thị N tại UBND xã Hoà Lâm, huyện Ư, tỉnh Hà Sơn Bình (nay là xã Ư, thành phố Hà Nội).

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Quang H và bà Nguyễn Thị N đối với yêu cầu xác lập quan hệ hôn nhân: Công nhận quan hệ hôn nhân của ông Đặng Quang H - sinh ngày 10/10/1952 và bà Nguyễn Thị N - sinh ngày 10/11/1963 đều trú tại thôn Mỹ Lâm, xã Ư, thành phố Hà Nội kể từ thời điểm bà Nguyễn Thị N đủ tuổi kết hôn, tức là kể từ ngày 11/11/1981.

Ông Đặng Quang H và bà Nguyễn Thị N được thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về lệ phí: Ông Đặng Quang H được miễn nộp tiền lệ phí yêu cầu xác lập quan hệ hôn nhân.

4. Quyết định này có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hà Nội;
- VKSND KV 12 – Hà Nội;
- Phòng THADS KV 12 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND xã Ư;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hoàng Thị Bích Hằng